

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 43/2018/HC-ST

Ngày 08 - 11 - 2018

V/v khiếu kiện quyết định giải quyết

Khiếu nại, phiếu chuyển thông tin

và thông báo thuế.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quang Tuyên.

2. Bà Võ Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08/11/2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai theo thủ tục sơ thẩm vụ án thụ lý số 29/2018/TLST-HC ngày 09/4/2018 về “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại, phiếu chuyển thông tin và thông báo thuế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-HC ngày 27/9/2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Đ.

Địa chỉ: 126 L, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Đặng Anh T (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/5/2018).

Địa chỉ: I 10 L, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người bị kiện:

+ Cục Trưởng Cục thuế T Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn C - Chức vụ: Cục Trưởng Cục thuế T Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Việt H - Chức vụ: Phó Cục Trưởng Cục thuế T Đắk Lắk (Theo văn bản ủy quyền số 1109/CT - TCCB ngày 20/4/2018).

Địa chỉ: 12 N, Phường A, Thành phố B, T. Đắk Lắk (có mặt).

+ Chi cục Thuế thành phố B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang Tuyên - Chức vụ: Chi Cục trưởng Chi cục Thuế thành phố B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H - Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố B (Theo văn bản ủy quyền số 11/UQ-CCT ngày 01/8/2018).

Địa chỉ: 90 A, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố B.

Địa chỉ: 01 Đ, phường L, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Xuân P- Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Thanh V - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố B (Theo văn bản ủy quyền số 12/GUQ-CNBMT ngày 28/8/2018) - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Hoàng Thị L (Vợ ông Đ);

Địa chỉ: 126 L, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Loan: Ông Đặng Anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 16/ 3/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/5/2018 của Ông Nguyễn Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là Ông Đặng Anh T trình bày:***

Về nguồn gốc của thửa đất số 27, tờ bản đồ 83, diện tích 118,5m² tọa lạc tại 126 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là: Vào năm 1985 Bộ Chỉ huy quân sự T Đắk Lắk (Sau đây gọi tắt là: BCHQS) cấp cho ông Hoàng Văn S theo giấy cho sử dụng đất ngày 30/3/1985, với diện tích 300m². Năm 1989 ông Hoàng Văn S chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nêu trên cho hộ gia đình Ông Nguyễn Văn Đ, sau đó ông Đ chuyển nhượng một nửa diện tích cho ông V, nửa diện tích còn lại ông Đ làm nhà ở. Đến năm 2007 ông Đ đi đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ) đối với diện tích 150m² theo Giấy cho sử dụng đất số 189/SDĐ cấp ngày 15/10/1992 của BCHQS. Ngày 26/6/2007 Chi cục Thuế thành phố B (Sau đây viết tắt là: Chi cục thuế) phát hành thông báo nghĩa vụ tài chính là ông Đ không phải nộp tiền sử dụng đất, sau đó ông đã nộp lệ phí trước bạ, hồ sơ được chuyển đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B (Sau đây viết tắt là: Phòng TN&MT) để được cấp GCNQSDĐ theo quy định. Nhưng khi Phòng TN&MT kiểm tra lại hồ sơ nhận thấy quyết định cấp đất theo giấy cho sử dụng đất số 189/SDĐ cấp ngày 15/10/1992 của BCHQS không phù hợp với thời gian cấp đất năm 1985 cấp cho ông Hoàng Văn S. Ngày 05/6/2012 BCHQS ban hành Quyết định số 1308 về hủy giấy cho sử dụng đất số 189 của ông Đ. Sau đó, Phòng TN&MT yêu cầu ông Đ bổ sung hồ sơ gồm: Biên bản xác minh đất do Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là: UBND) phường L lập và quyết định bản gốc cấp đất cho ông Hoàng Văn S là giấy cho sử dụng đất ngày 30/3/1985, ông Đ đã nộp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu. Ngày 06/01/2014, Phòng TN&MT mới xem xét, nhưng vẫn không cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông Đ.

Ngày 10/4/2017 ông Đ lại nhận được Thông báo tài chính mới của Chi cục Thuế, buộc ông Đ phải nộp 40% tiền sử dụng đất, trong khi đó ông đã nộp nghĩa vụ tài chính năm 2007. Không đồng ý với Thông báo tài chính của Chi cục Thuế, ngày 21/4/2017 ông Đ làm đơn khiếu nại về Thông báo nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ. Ngày 13/6/2017 Chi cục Thuế ra Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3126/QĐ-GQKN về không công nhận nội dung Đơn khiếu nại ngày 21/4/2017 của ông Đ. Không đồng ý với Quyết định này, ngày 24/6/2017 ông Đ tiếp tục khiếu nại đến Cục Thuế T Đăk Lăk, ngày 08/3/2018 Cục Thuế T Đăk Lăk ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 308/QĐ-CT về không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Đ.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần 2, Cục Thuế T Đăk Lăk đã có Công văn gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường T Đăk Lăk xin ý kiến, trong nội dung công văn Cục Thuế T Đăk Lăk xác định hồ sơ của ông Đ hợp lệ vào năm 2007, vì thời điểm này ông Đ đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước, việc xử lý hồ sơ chậm lỗi thuộc về các cơ quan Nhà nước và quan điểm của Cục thuế cũng đã khẳng định trường hợp của ông Đ không phải nộp tiền sử dụng đất.

Ngày 19/12/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời Công văn đến Cục Thuế T Đăk Lăk vẫn giữ nguyên quan điểm cho rằng thời điểm ông Đ nộp hồ sơ hợp lệ vào ngày 06/01/2014 nên phải đóng 40% tiền sử dụng đất căn cứ theo khoản 4 Điều 2 Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010.

Ông Đ nhận thấy hộ gia đình ông phải đóng 40% tiền sử dụng đất là không hợp lý và không đúng theo quy định pháp luật. Vì căn cứ Điều 100 Luật đất đai; điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định 45/2014/NĐ-CP về thu tiền sử dụng đất đối với đất ở có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2004 thì không phải đóng tiền sử dụng đất. Các hộ dân có nguồn gốc đất như hộ gia đình ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải đóng tiền sử dụng đất.

Nay, ông Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk giải quyết gồm các nội dung sau:

- Hủy Quyết định hành chính số 308/QĐ-CT ngày 08/3/2018 của Cục Trưởng Cục thuế T Đăk Lăk và công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Đ không phải đóng tiền sử dụng đất đối với thửa đất 27, tờ bản đồ 83, diện tích 118,5m², tọa lạc tại phường L, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

- Hủy Phiếu chuyển thông tin số 1616227/2016/PCTTĐC của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố B (Sau đây viết tắt là: Chi nhánh VPĐKĐĐ).

- Hủy Thông báo thuế số 2925/TB-CCT ngày 10/4/2017 của Chi cục Thuế thành phố B đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ 83, diện tích 118,5m².

*** Theo bản tự khai ngày 24/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền người bị kiện Cục Trưởng Cục thuế T Đăk Lăk - Ông Ngô Việt H trình bày:**

Ngày 27/6/2017, Cục Trưởng Cục thuế T Đăk Lăk nhận được đơn khiếu nại đề ngày 24/6/2017 của Ông Nguyễn Văn Đ. Ngày 08/3/2018 Cục Trưởng Cục thuế

T Đắc Lắc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 308/QĐ-CT, theo đó không công nhận nội dung đơn khiếu nại của Ông Nguyễn Văn Đ. Căn cứ để ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại này: Khoản 4 Điều 2 Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Công văn số 2563/STNMT-CCQLĐĐ ngày 19/12/2017 về việc cấp giấy chứng nhận hộ Ông Nguyễn Văn Đ của Sở Tài nguyên và Môi trường T Đắc Lắc; Công văn số 351/STNMT-CCQLĐĐ ngày 09/02/2018 về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ Ông Nguyễn Văn Đ của Sở Tài nguyên và Môi trường T Đắc Lắc.

Đồng thời, để giải quyết khiếu nại lần 2 của Ông Nguyễn Văn Đ, Cục Thuế tiến hành xác minh, đối thoại với ông Đ và thu thập các chứng cứ từ Chi cục Thuế, hồ sơ Ông Nguyễn Văn Đ cung cấp, Thông tin xác định về nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất ở, thời điểm Chi nhánh VPĐKĐĐ nhận đủ hồ sơ.

Từ phân tích và căn cứ pháp lý nêu trên, Cục Trưởng Cục thuế T Đắc Lắc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 308 ngày 08/3/2018 là đúng theo quy định pháp luật. Việc Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định khiếu nại lần 2 này là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Đ theo nội dung phân tích trên.

**** Theo bản tự khai ngày 01/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền Chi cục Thuế thành phố B - Ông Nguyễn Đức H trình bày:***

Ngày 27/4/2017, Chi cục Thuế được đơn khiếu nại đề ngày 21/4/2017 của Ông Nguyễn Văn Đ, địa chỉ 126 L, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc về khiếu nại Thông báo nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ của Chi cục thuế.

Ngày 28/4/2017, Chi cục Thuế thành phố B có Phiếu lấy ý kiến số 661/PLYK-CCT gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố B xác minh lại các thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất của Ông Nguyễn Văn Đ.

Ngày 08/6/2017, Chi cục Thuế nhận được Công văn số 586/CNBMT-ĐKTK ngày 07/6/2017 của Chi nhánh VPĐKĐĐ xác định đất hộ Ông Nguyễn Văn Đ nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ vào ngày 06/01/2014;

Chi cục thuế đã căn cứ vào các văn bản và các quy định của pháp luật để ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất như sau:

- Căn cứ Công văn số 881/CV-ĐKĐĐ ngày 27/10/2016 của Chi nhánh VPĐKĐĐ về việc điều chỉnh thông tin xác định nghĩa vụ tài chính của hộ Ông Nguyễn Văn Đ gửi Chi cục Thuế, xác định thời điểm ông Đ nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ vào ngày 06/01/2014 để điều chỉnh nghĩa vụ tài chính cho hộ ông Đ;

- Căn cứ Công văn số 34/CNBMT-ĐKTK ngày 12/01/2017 của Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố B về việc chuyển thông báo nộp nghĩa vụ tài chính của hộ Ông Nguyễn Văn Đ (bản gốc) gửi Chi cục Thuế;

- Căn cứ Công văn số 298/CNBMT-ĐKTK ngày 23/3/2017 của Chi nhánh VPĐKĐĐ về việc chuyển thông báo nộp nghĩa vụ tài chính của hộ Ông Nguyễn Văn Đ gửi Chi cục Thuế đề nghị hủy Thông báo nghĩa vụ tài chính phát hành ngày 26/6/2007.

- Căn cứ Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của Chi nhánh VPĐKĐĐ, đối với lô đất của Ông Nguyễn Văn Đ, diện tích phải nộp tiền sử dụng đất là: 118,5m²;

- Căn cứ quy định tại Khoản 4, Điều 2 Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất:

- Căn cứ Mục I, Phần II, Điều 2.2, Mục II, Phần II, Thông tư liên tịch số 30/2005/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/4/2005 của liên Bộ Tài chính - Tài nguyên và Môi trường quy định về trách nhiệm của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất', và trách nhiệm của cơ quan thuế thì: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất hoặc Phòng TN&MT có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của bộ hồ sơ của người sử dụng đất nộp, xác nhận và ghi đầy đủ các chỉ tiêu vào Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính, sau đó chuyển giao cho cơ quan thuế một bộ hồ sơ của người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

- Căn cứ Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk, về việc ban hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Từ những nội dung trên, thì việc Chi cục Thuế ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ số 2925/TB-CCT ngày 10/4/2017 đối với trường hợp của Ông Nguyễn Văn Đ là đúng theo quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ về yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất nêu trên.

**** Theo bản tự khai ngày 28/2017 và quá trình giải quyết vụ án, Bà Vũ Thị Thanh V- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Btrình bày:***

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Ông Nguyễn Văn Đ thuộc hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức tập trung năm 2006 tại phường L có nguồn gốc đất: Do Bộ Chỉ huy quân sự T Đắk Lắk cấp cho Ông Nguyễn Văn Đ theo Quyết định số 189/SDĐ ngày 15/10/1992 ,với diện tích đất 150m² tại khu vực doanh trại đơn vị Sân bay L19, phường L nay là phường L (hộ Ông Nguyễn Văn Đ có quyết định cấp đất bản gốc).

Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND phường L xác nhận 17/4/2007 có nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất do BCHQS sự cấp năm 1992. Căn cứ hồ sơ cấp GCNQSDĐ do UBND phường L lập, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, ngày 22/6/2007 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố (nay là Chi nhánh VPĐKĐĐ) lập phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính xác định mức thu không phải nộp tiền sử dụng đất với diện tích 118.5m² đất ở và ngày 26/6/2007 Chi cục Thuế phát hành thông báo cho hộ Ông Nguyễn Văn Đ.

Ngày 31/7/2007 hộ Ông Nguyễn Văn Đ thực hiện nghĩa vụ tài chính và ngày 12/8/2008 nộp lại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố để thực hiện việc cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên, ngày 15/10/2008 Văn phòng đất thành phố có thông báo không giải quyết hồ sơ với lý do: Quyết định cấp đất số 189/Q-SDĐ

ngày 15/10/1992 của BCHQS cấp đất cho hộ Ông Nguyễn Văn Đ là giấy có dấu đóng tháng 12 năm 1997, thửa đất thuộc phạm vi rà soát của Thanh tra Thành phố nên hiện nay tạm thời dừng chưa xử lý giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có thông báo giải quyết hồ sơ).

Ngày 05/6/2012, Bộ Chỉ huy quân sự T Đắc Lắc Ban hành Quyết định số 1308/QĐ-BCH về việc huỷ bỏ giấy cho sử dụng đất số 189/GDD ngày 15/10/1992 do Đại tá KP, nguyên Phó chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh ký cho đồng chí Nguyễn Văn Đ.

Ngày 26/12/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố có Thông báo số 165/TB-TNMT về việc thông báo bổ sung hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên của hộ Ông Nguyễn Văn Đ.

Ngày 27/12/2013, UBND phường L lập biên bản xác minh đối với thửa đất trên có nguồn gốc: Hộ ông Hoàng Văn S được BCHQS cho sử dụng đất làm nhà ở năm 1985, đến năm 1989 hộ ông Hoàng Văn S chuyển nhượng lại lô đất trên cho hộ Ông Nguyễn Văn Đ hai bên viết giấy tay, hộ ông Đ sử dụng ổn định vào mục đích đất làm nhà ở từ năm 1989 cho đến nay, không có tranh chấp.

Như vậy, căn cứ nguồn gốc xác minh lại của UBND phường L, Quyết định số 1308/QĐ-BCH về việc huỷ bỏ giấy cho sử dụng đất số 189/GDD ngày 15/10/1992 về việc huỷ bỏ giấy cho sử dụng đất số 189/GDD ngày 15/10/1992 do Đại tá KP, nguyên Phó chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự T ký cho Ông Nguyễn Văn Đ và căn cứ nguồn gốc đất đối với hồ sơ lập năm 2006 của Ông Nguyễn Văn Đ, căn cứ thời điểm xử lý hồ sơ, căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì trường hợp trên xác định hồ sơ không hợp lệ theo quy định.

- Về nguồn gốc đất: Hộ ông Hoàng Văn S được BCHQS cho sử dụng đất làm nhà ở năm 1985, đến năm 1989 hộ ông Hoàng Văn S chuyển nhượng lại lô đất trên cho hộ Ông Nguyễn Văn Đ (có giấy sang nhượng viết tay), hộ Ông Nguyễn Văn Đ đã sử dụng ổn định vào mục đích đất làm nhà ở từ năm 1989 cho đến nay (theo biên bản xác minh ngày 27/12/2013 UBND phường L).

- Về căn cứ cấp GCNQSDĐ: Theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Mục I Quyết định 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước quy định:

1. Toàn bộ ruộng đất trong cả nước đều do Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch và kế hoạch chung nhằm bảo đảm ruộng đất được sử dụng hợp lý, tiết kiệm và phát triển theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

2. Quản lý nhà nước đối với ruộng đất bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Điều tra, khảo sát và phân bố các loại đất...;

3. Hội đồng Chính phủ thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với toàn bộ ruộng đất trong cả nước.

Ủy ban nhân dân các cấp được Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với toàn bộ ruộng đất trong địa phương (kể cả các loại đất đã giao cho các cơ quan trung ương), theo các chế độ, thể lệ thống nhất của Nhà nước

và sự hướng dẫn của cấp trên.

Căn cứ khoản 2, Mục V, Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ quy định:

Thẩm quyền về giao đất để sử dụng: a. Việc giao đất nông nghiệp, đất thổ cư nông thôn và đô thị trên 2 héc-ta hoặc phải di dân 20 hộ để lấy đất làm việc khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định; từ 2 héc-ta trở xuống hoặc phải di dân từ 20 hộ trở xuống do chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

Như vậy, căn cứ quy định trên thì Bộ Chỉ huy quân sự T Đăk Lăk giao đất là không đúng thẩm quyền.

Căn cứ khoản 4 Điều 2 Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ quy định thì hộ Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp 40% tiền sử dụng đất. Do đó, ngày 13/9/2014 Chi nhánh VPĐKĐĐ có Thông báo số 441/TB-VPĐK về việc đề nghị Ông Nguyễn Văn Đ bổ sung tờ khai tiền sử dụng đất để xác định bổ sung và Thông báo số 380/TB-VPĐK ngày 12/8/2014 về việc bổ sung hồ sơ cấp GCNQSDĐ. Ngày 04/10/2016 hộ Ông Nguyễn Văn Đ nộp bổ sung hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của UBND thành phố. Ngày 27/10/2016, Chi nhánh VPĐKĐĐ có Công văn số 881/CV-ĐKĐĐ về việc điều chỉnh thông tin nghĩa vụ tài chính chuyển Chi cục Thuế thành phố xác định lại cho hộ Ông Nguyễn Văn Đ theo đúng quy định. Vậy, việc ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Phiếu chuyển thông tin số 1616227/2016/PCTTĐC của Chi nhánh VPĐKĐĐ là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L trình bày:** Tôi là vợ của ông Nguyễn Văn Đ. Ý kiến của tôi nhất trí với ý kiến của chồng tôi ông Đ và người đại diện theo ủy quyền của chồng tôi (ông Đ) là Ông Đặng Anh T đã trình bày trên, tôi không có ý kiến gì thêm. Đề nghị Tòa án giải quyết để bảo vệ quyền lợi cho gia đình tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Xét nguồn gốc đất của Ông Nguyễn Văn Đ được thể hiện trong hồ sơ; căn cứ khoản 1, 2, 3 Mục I Nghị định 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước; điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì trường hợp của ông Nguyễn Văn Đ được giao trái thẩm quyền cho nên Cục Trưởng Cục thuế T Đăk Lăk ban hành Quyết định số 308/QĐ-CT ngày 08/3/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn Văn Đ và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố B ban hành Phiếu chuyển thông tin số 1616227/2016/PCTTĐC, Chi cục Thuế thành phố B ban hành Thông

báo thuế số 2925/TB-CCT ngày 10/4/2017 là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 16/3/2018 Ông Nguyễn Văn Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Hủy Quyết định số 308/QĐ-CT ngày 08/3/2018 của Cục Trưởng Cục thuế T Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của Ông Nguyễn Văn Đ (Lần 02) và công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Đ không phải đóng tiền sử dụng đất đối với thửa đất 27, tờ bản đồ 83, diện tích 118,5m², tọa lạc tại phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 28/5/2018 ông Nguyễn Văn Đ có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- Hủy Phiếu chuyển thông tin số 1616227/2016/PCTTĐC của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

- Hủy Thông báo thuế số 2925/TB-CCT ngày 10/4/2017 của Chi cục Thuế thành phố B đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ 83, diện tích 118,5m².

Xét thấy việc bổ sung, thay đổi nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ phù hợp với quy định của pháp luật và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiếp tục giải quyết vụ án và xác định lại người bị kiện: Cục Trưởng Cục thuế T Đắk Lắk, Chi cục Thuế thành phố B, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị L là đúng thủ tục tố tụng. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường T Đắk Lắk, xét thấy không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nên Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[2] Về Thẩm quyền và thời hiệu: căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện đối với loại việc này là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Nên đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ đang còn trong thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 8 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 thì Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Xét yêu cầu của Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án hủy Quyết định hành chính số 308/QĐ-CT ngày 08/3/2018 của Cục Trưởng Cục thuế T Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của Ông Nguyễn Văn Đ (Lần 02) và công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Đ không phải đóng tiền sử dụng đất đối với thửa đất 27, tờ bản đồ 83, diện tích 118,5m², tọa lạc tại phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thì thấy rằng:

[3.1] Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành: Sau khi nhận được khiếu nại lần 2 của Ông Nguyễn Văn Đ, Cục Trưởng Cục thuế T Đắk Lắk đã tiến hành thụ lý đơn, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; tiến hành đối thoại với Ông Nguyễn Văn Đ. Căn cứ vào các quy định của pháp luật, xét đơn khiếu nại của Ông

Nguyễn Văn Đ và ý kiến của Hội đồng xác minh, Cục Trưởng Cục thuế T Đắc Lắc đã ban hành Quyết định số: 308/QĐ - CT ngày 08/3/2018 về việc giải quyết khiếu nại Ông Nguyễn Văn Đ (lần hai) là đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên, ngày 24/6/2017 ông Đ có đơn khiếu nại gửi Cục Trưởng Cục thuế T Đắc Lắc, đến ngày 08/3/2018 Cục Trưởng Cục thuế T Đắc Lắc mới ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là quá 60 ngày đối với giải quyết khiếu nại lần 2, nên đã vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại. Xét thấy sai sót này không làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết, cũng như quyền khởi kiện vụ án hành chính của ông Đ, nên không cần thiết phải hủy Quyết định.

[3.2] Về nội dung của Quyết định số 308/QĐ-CT ngày 08/3/2018 của Cục Trưởng Cục thuế T Đắc Lắc: Xét nguồn gốc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 83, diện tích 118,5m², tọa lạc tại phường L, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc, ngày 30/3/1985 Bộ Chỉ huy quân sự T Đắc Lắc ký giấy cho sử dụng đất (không sổ); đồng ý cho ông Hoàng Văn S sử dụng diện tích đất chiếm 300m², thuộc khu vực doanh trại đơn vị Sân bay L19, phường L, thị xã B, ngày 13/6/1989. Sau đó ông Hoàng Văn S chuyển nhượng lại cho Ông Nguyễn Văn Đ bằng giấy viết tay.

Theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Mục I Nghị định 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước quy định:

“1. Toàn bộ ruộng đất trong cả nước đều do Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch và kế hoạch chung nhằm bảo đảm ruộng đất được sử dụng hợp lý, tiết kiệm và phát triển theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

2. Quản lý Nhà nước đối với ruộng đất bao gồm các nội dung sau đây:

Giao đất, thu hồi đất, trưng dụng đất...

3. Hội đồng Chính phủ thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với toàn bộ ruộng đất trong cả nước.

Ủy ban nhân dân các cấp được Hội đồng chính phủ ủy nhiệm thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với toàn bộ ruộng đất trong địa phương (kể cả các loại đất đã giao cho các cơ quan Trung ương) theo các chế độ, thể lệ thống nhất của Nhà nước và sự hướng dẫn của cấp trên”.

Căn cứ quy định trên, thì Bộ Chỉ huy quân sự T Đắc Lắc ký văn bản cấp đất cho ông Hoàng Văn S, sau đó lại ký cấp đất cho Ông Nguyễn Văn Đ là không đúng thẩm quyền.

Căn cứ khoản 4, Điều 2 Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất:

“4. Tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất nhưng đã phân phối (cấp) trái thẩm quyền cho hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của tổ chức làm nhà ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân thì thu tiền sử dụng đất bằng 40% theo giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định như

trường hợp bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê theo Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở; thu bằng 100% theo giá đất ở do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích vượt hạn mức giao đất ở”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: Thu tiền sử dụng đất (cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2004 quy định:

“c) Trường hợp sử dụng đất có nhà ở ổn định trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất, khi được cấp Giấy chứng nhận thì thu tiền sử dụng đất như sau:

- Trường hợp đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì thu tiền sử dụng đất bằng 40% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với phần diện tích đất trong hạn mức giao đất ở tại địa phương theo giá đất quy định tại bảng giá đất tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền...”.

Tại Điều 8 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính có quy định: *Xác định tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2004 được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP.*

Như vậy, thửa đất số 27, tờ bản đồ 83, diện tích 118,5m² tọa lạc tại 126 L, thành phố B, mà Ông Nguyễn Văn Đ, bà Hoàng Thị L đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất bằng 40% giá đất do UBND tỉnh Đắk Lắk quy định.

Từ phân tích trên thì việc Chi nhánh VPĐKĐĐ ban hành Phiếu chuyển thông tin số 1616227/2016/PCTTĐC và Chi cục Thuế thành phố B ban hành Thông báo thuế số 2925/TB-CCT ngày 10/4/2017 đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ 83, diện tích 118,5m² là đúng quy định pháp luật. Do đó, Cục Trưởng Cục thuế T Đắk Lắk không công nhận khiếu nại lần 2 của Ông Nguyễn Văn Đ là có căn cứ. Vì vậy, cần bác đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ về yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 308/QĐ-CT ngày 08/3/2018 của Cục Trưởng Cục thuế T Đắk Lắk.

[4] Xét yêu cầu của Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án hủy Thông báo thuế số 2925/TB-CCT ngày 10/4/2017 của Chi cục Thuế thành phố B đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ 83, diện tích 118,5m². Và yêu cầu Tòa án hủy Phiếu chuyển thông tin số 1616227/2016/PCTTĐC của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

[4.1] Về Thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Thông báo thuế số 2925 cũng như Phiếu chuyển thông tin số 1616227 là đúng theo quy định pháp luật.

[4.2] Về nội dung: Như đã phân tích tại mục [3.2] nêu trên, thì trường hợp của Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 40% giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định định, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kiện của Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án hủy Thông báo thuế số 2925/TB-CCT ngày 10/4/2017 và hủy Phiếu chuyển thông tin số 1616227/2016/PCTTĐC của Chi nhánh VPĐKKĐ thành phố B.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa về đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[6] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ là không có cơ sở. Vì vậy, cần bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1, 2, 3 Mục I Nghị định 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước; khoản 4, Điều 2 Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ; điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Luật khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ nội dung khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định hành chính số 308/QĐ-CT ngày 08/3/2018 của Cục Trưởng Cục thuế T Đắk Lắk và công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Đ không phải đóng tiền sử dụng đất đối với thửa đất 27, tờ bản đồ 83, diện tích 118,5m², tọa lạc tại phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy Phiếu chuyển thông tin số 1616227/2016/PCTTĐC của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

- Hủy Thông báo thuế số 2925/TB-CCT ngày 10/4/2017 của Chi cục Thuế thành phố B đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ 83, diện tích 118,5m².

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005529 ngày 07/02/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Kim Khánh